

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT I.D**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT I.D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: I.D FURNITURE AND ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: I.D .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107688928

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12, NV9, khu đô thị Tổng cục 5, Bộ công an, yên xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977476699

Fax:

Email: [support@idstudio.vn](mailto:support@idstudio.vn)

Website: [idstudio.vn](http://idstudio.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5912     |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201     |
| 3.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6202     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4931     |
| 5.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Gồm có:<br>Cho thuê mô tô, xe máy, đồ dùng văn phòng, máy móc và thiết bị nông nghiệp không kèm người điều khiển; máy móc và thiết bị xây dựng kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;                                                 | 7730     |
| 6.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933     |
| 8.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Gồm có:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời                                                                                                        | 4290 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí | 4329 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 14. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Gồm có: Photo, chuẩn bị tài liệu;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8219 |
| 15. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7420 |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 19. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6311 |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 21. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4210 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Gồm có: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Gồm có: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán buôn búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác ;                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4932 |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Gồm có: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; Thuê cần trục có người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8230 |
| 32. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 33. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: Hoạt động phiên dịch; tư vấn về công nghệ khác; hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý; tư vấn đầu thầu;                                                                                                                                                          | 7490                                                                |
| 34. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Gồm có:<br>- Thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông;<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình; | 7110(Chính)                                                         |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310                                                                |
| 36. | (Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);                                                                                                                                                                                                                                              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 4.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH SANG | Thôn Đông Duy, Xã Yên Quang, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 122.500    | 1.225.000.000         | 25,000    | 162950985                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 122.500    | 1.225.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
| 2   | PHÙNG XUÂN HUÂN  | Thôn Hòa bình, Xã Hữu Văn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 98.000     | 980.000.000           | 20,000    | 0010890076<br>73                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 98.000     | 980.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | LƯU VIỆT HOÀNG   | Tổ 6, Thị Trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 147.000    | 1.470.000.000         | 30,000    | 012722208                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 147.000    | 1.470.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                               |                         |         |               |        |           |  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 4 | NGUYỄN<br>MẠNH HÙNG | Tổ 50, Phường<br>Đồng Tâm, Thành<br>phố Yên Bái,<br>Tỉnh Yên Bái,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 122.500 | 1.225.000.000 | 25,000 | 060740190 |  |
|   |                     |                                                                               | Tổng số                 | 122.500 | 1.225.000.000 | 25,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Phó Giám đốc

Sinh ngày: 05/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 060740190

Ngày cấp: 20/08/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 50, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố số 7, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: LƯU VIỆT HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012722208

Ngày cấp: 02/07/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 6, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Phó Giám đốc*

Sinh ngày: 13/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162950985

Ngày cấp: 08/06/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Duy, Xã Yên Quang, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đông Duy, Xã Yên Quang, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

\* Họ và tên: PHÙNG XUÂN HUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Phó Giám đốc*

Sinh ngày: 17/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089007673

Ngày cấp: 28/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hòa bình, Xã Hữu Vãng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hòa bình, Xã Hữu Vãng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội